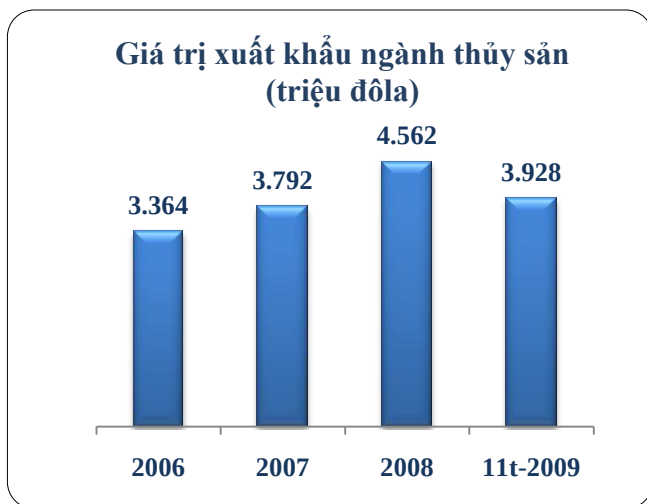


TỔNG QUAN NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

1. ĐẶC ĐIỂM

Với đường bờ biển dài hơn 3.200 km; Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi giúp Việt Nam có nhiều thế mạnh nổi trội để phát triển ngành công nghiệp thủy sản. Từ lâu Việt Nam đã trở thành quốc gia sản xuất và xuất khẩu thủy sản hàng đầu khu vực, cùng với Indonesia và Thái Lan. Xuất khẩu thủy sản trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.



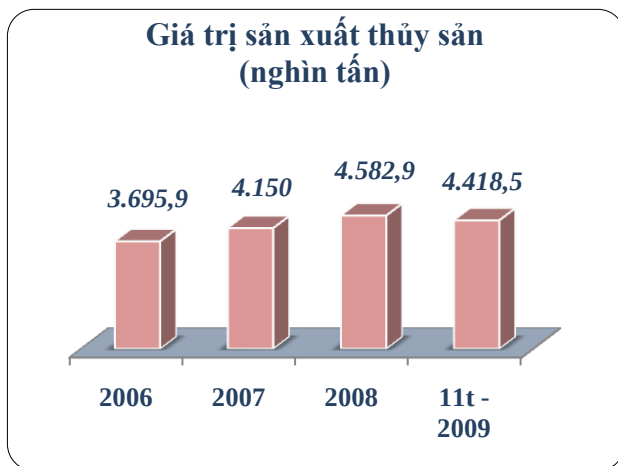
Trong 11 tháng đầu năm 2009, mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã kết thúc cách

đây ít tháng, tuy nhiên tác động của nó vẫn còn âm ỉ trong các nền kinh tế thế giới, nhất là các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, và các nước Châu Âu. Đây cũng là những thị trường nhập khẩu thủy sản lớn của Việt Nam. Ngoài ra, một số thị trường cũng đưa ra những quy định khắt khe hơn về về nguồn gốc và chất lượng các sản phẩm nhập khẩu. Kết quả là trong 11 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản giảm 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài nguyên nhân từ sự sụt giảm nhu cầu từ các nước nhập khẩu chính, nguyên nhân một phần cũng xuất phát ngay chính từ hoạt động của ngành thủy sản Việt Nam như nguồn nguyên liệu chế biến không ổn định, tình hình sản xuất và khai thác không thuận lợi.

Theo số liệu thống kê, 11 tháng đầu năm 2009, kim ngạch XK thủy sản đạt 3.928 triệu đôla, bằng 93,8% so với cùng kỳ năm ngoái; chiếm 7,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Ước tính đến hết năm 2009, Việt Nam sẽ đạt khoảng 4,2 tỷ đôla kim ngạch xuất khẩu, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với năm 2008 đạt 4,5 tỷ đôla.

2. CUNG – CẦU MẶT HÀNG THỦY SẢN

Việt Nam có hơn 1 triệu km đường bờ biển và 1,4 triệu hecta mặt nước nội địa vì vậy nguồn cung thủy hải sản rất dồi dào và ổn định. Trữ lượng hải sản ở Việt Nam ước tính có khoảng 4,2 triệu tấn và nguồn tái tạo là khoảng 1,73 triệu tấn.



Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản và cải thiện khả năng khai thác đánh cá xa bờ đã giúp sản lượng thủy hải sản Việt Nam không ngừng tăng trong những năm qua. Mức tăng trưởng

trung bình từ năm 2006-2008 là khoảng 11%. Đến hết tháng 11 năm 2009, sản lượng thủy sản đã đạt hơn 4,4 triệu tấn. Ước tính hết năm nay sẽ đạt khoảng 4,9 triệu tấn, cao hơn năm 2008.

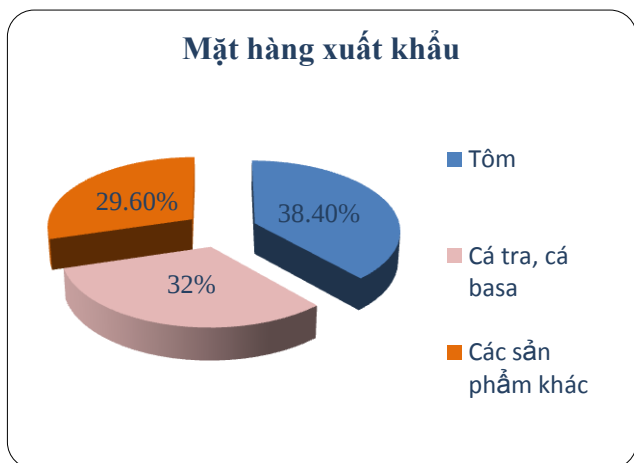
Theo ước tính của Tổ chức lương thực thế giới (FAO), nhu cầu thủy hải sản trên thế giới ở mức cao. Đối với các nước công nghiệp phát triển, thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, mức tiêu thụ thủy hải sản là trên 30kg/người/năm. Trong khi đó, nhu cầu nội địa cũng đang tăng cao do đời sống người dân ngày càng được cải thiện. Theo ước tính hiện nay là trên 20kg/người/năm. Như vậy, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thủy hải sản là rất tiềm năng. Đặc biệt bước sang năm 2010, khi cuộc khủng hoảng kinh tế đã qua, đời sống người dân dần ổn định và nâng cao, nhu cầu tiêu thụ mặt hàng thủy hải sản trên thế giới cũng như nội địa sẽ tăng lên.

3. CƠ CẤU MẶT HÀNG XUẤT KHẨU

Trong những năm gần đây, các sản phẩm mặt hàng thủy sản của Việt Nam ngày càng được đa dạng hóa. Các sản phẩm như tôm, cá tra, cá ngừ, hàng khô, mực, bạch tuộc là đã tạo được chỗ đứng trên thị trường các nước và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Tôm đứng đầu về kim ngạch xuất khẩu, chiếm 38,4%.

Trong 11 tháng đầu năm nay, trong các nhóm sản phẩm chính, ngoại trừ mặt hàng tôm và các mặt hàng khô, các sản phẩm khác đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái.



Mặt hàng tôm: Tổng giá trị xuất khẩu tôm trong 11 tháng đầu năm đạt khoảng 1,3 tỷ đôla, tăng 0,03% về giá trị, và khoảng 170 tấn, tăng 7,4% về khối lượng. Xuất khẩu sang Mỹ và Nhật Bản vẫn là 2 thị trường chủ lực, tuy nhiên trong 11 tháng đầu năm đều sụt giảm. Xuất khẩu tôm sang Nhật giảm 4,5% về lượng và 2,8% về giá trị; sang Mỹ giảm 6,2% về khối lượng và 15,3% về giá trị. Đối với thị trường Nhật, mặc dù Việt Nam vẫn là nhà cung cấp số 1, nhưng hiện nay đang chịu sự cạnh tranh lớn từ Thái Lan và Indonesia; khi hai nước này trong năm nay đều tăng sản lượng xuất khẩu sang Nhật trong khi

Việt Nam lại giảm. Đối với thị trường Mỹ, nếu năm 2008, Việt Nam đứng thứ 3, chỉ sau Thái Lan và Indonesia thì năm 2009, đến hết tháng 9/2009 Việt Nam tụt xuống vị trí số 5 sau Ecuador và Trung Quốc. Ngoài ra, các nhà nhập khẩu Mỹ đang tìm đến nguồn hàng từ các nước gần kề nhằm giảm chi phí vận chuyển.

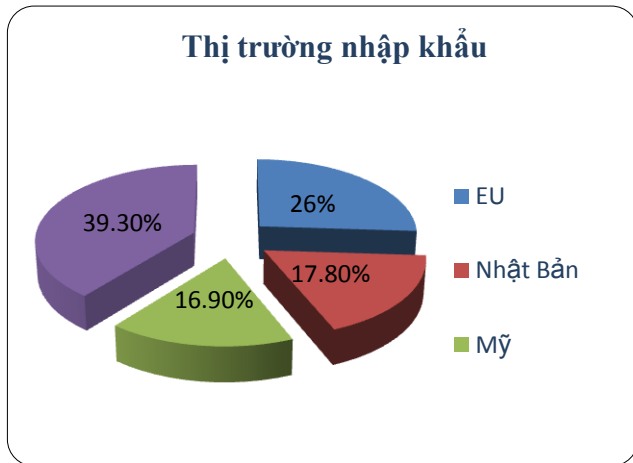
Mặt hàng cá sa, cá batra chiếm khoảng 32% kim ngạch xuất khẩu: Trong 10 tháng đầu năm, cả nước xuất khẩu khoảng 500 tấn cá, đạt kim ngạch 1,12 tỷ đôla, giảm gần 9% về khối lượng và 10% về giá trị so với năm trước. Thị trường lớn nhất của cá tra là EU, chiếm 40,8%; tiếp đó là Mỹ 10%; Asean 6,5%.

Các mặt hàng khác: như cá ngừ, bạch tuộc, mực đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Cá ngừ giảm 1,2% về lượng và 10,2% về giá trị. Mực và bạch tuộc giảm 12,9% về khối lượng và 7,7% về giá trị.

4. THỊ TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU CHÍNH

Hiện nay, Việt Nam xuất khẩu sang khoảng 155 thị trường trên thế giới, trong đó ba thị trường chính là EU, Mỹ và Nhật Bản, chiếm khoảng 60,6% kim ngạch xuất khẩu. EU chiếm khoảng 26% thị phần hàng xuất khẩu của Việt Nam, Nhật Bản và Mỹ chiếm khoảng 17,8% và 16,9%.

Tuy vậy, so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu sang EU đã giảm 1,7% về khối lượng và 6,7% về giá trị. Trong những năm gần đây, EU đã thay thế thị trường Mỹ và Nhật trở thành thị trường có thị phần xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam.



Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2010, EU sẽ áp dụng quy định EC 1005/2008, theo đó các lô hàng thủy sản nhập khẩu vào thị trường này sẽ phải cung cấp đầy đủ các thông tin truy xuất về nguồn gốc. Việc này gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường này do đặc điểm đánh bắt cá ở Việt Nam còn nhỏ lẻ, manh mún, với phương thức hoạt động nay đây mai đó, vùng đánh cá đa dạng, không ổn định nên việc truy xuất nguồn gốc là không dễ. Hơn nữa, nguyên liệu chế biến sản phẩm xuất vào EU bao gồm cả tự khai thác và nhập khẩu nên thủ tục sẽ càng phức tạp. Phần lớn tàu đánh cá cũng như doanh nghiệp chế biến chưa nắm được các thủ tục, hồ sơ nhằm đáp ứng các quy định nói trên. Như vậy, nguy cơ mất thị phần quan trọng này là rất lớn. Hiện, VASEP đang đàm phán với phía EU về việc lùi lại việc thực hiện quy định này đến hết tháng 6/2010, tuy nhiên, việc này là rất khó vì quy định này không chỉ áp dụng với mặt hàng nhập khẩu từ Việt Nam.

Xuất khẩu sang Nhật Bản giảm 21,2% về khối lượng và 12,3% về giá trị. Trong những năm gần đây, Việt Nam phải chịu áp lực cạnh tranh từ các nước như Indonesia, Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc vào thị trường này. Trong khi đó, nhà nhập khẩu Nhật ngày càng đòi hỏi khắt khe hơn về tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Hiện nay, việc kiểm tra 100% được áp dụng với tất cả các lô hàng nhập khẩu từ Việt Nam. Tôm là mặt hàng chính được xuất khẩu vào nước này. Hiện tại, Việt Nam đang đàm phán với phía Nhật Bản. Sắp tới, nhiều khả năng, Nhật Bản sẽ áp dụng mức thuế 0% đối với các sản phẩm tôm của Việt Nam.

Xuất khẩu sang Mỹ tình hình có khả quan hơn. 9 tháng đầu năm, thị trường này suy giảm 3,2% về giá trị, tuy nhiên vẫn tăng 14,7% về khối lượng. Điểm gây khó khăn với việc nhập khẩu vào thị trường này là biện pháp bảo hộ sản xuất nội địa, với việc áp dụng mức thuế chống phá giá cao cho các sản phẩm nhập khẩu chính của Việt Nam vào Mỹ như cá tra, cá basa, tôm. Đối với mặt hàng cá tra, cá basa, do Mỹ xếp hai loại cá này vào loại cá da trơn, vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam phải chịu mức thuế chống phá giá từ 36% đến 68%. Theo ITC đưa ra vào tháng 6 vừa qua, mức thuế này sẽ tiếp tục được áp dụng đối với mặt hàng này trong 5 năm tới.

Riêng đối với mặt hàng tôm, có dấu hiệu đáng mừng là theo quyết định mới của Bộ Thương mại Mỹ DOC vào tháng 9 vừa qua, mức thuế chống phá giá áp dụng cho các sản phẩm tôm nhập khẩu vào Việt Nam sẽ được xem xét giảm xuống gần bằng 0%.

Trong khi các thị trường chính tình hình xuất khẩu có phần ảm đạm thì tại thị trường các nước khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Asean, Canada có phần khả quan. 9 tháng đầu năm, XK sang Trung Quốc tăng 17% cả về khối lượng và giá trị. Các thị trường này đều đạt giá trị xuất khẩu hơn 50 triệu đôla.

5. ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

a. Tổng quan năm 2009:

Trong năm 2009, xuất khẩu thủy sản đã vượt kế hoạch khiêm tốn đề ra từ đầu năm, tuy nhiên vẫn tăng trưởng âm so với năm 2008. Có ba nguyên nhân được đưa ra. Thứ nhất, khủng hoảng tài chính năm 2008, lan sang năm 2009 đã tác động đến thị trường các nước nhập khẩu chính mặt hàng thủy sản của Việt Nam. Khối lượng xuất khẩu giảm, giá bán thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Thứ hai, các doanh nghiệp

xuất khẩu của Việt Nam chịu sự cạnh tranh không lành mạnh của các doanh nghiệp khác, bị đối tác lợi dụng đưa giá xuống quá thấp, làm tổn hại đến thương hiệu và uy tín của sản phẩm cá tra của Việt Nam, dẫn đến nguy cơ mất thị trường. Ngoài ra các nguyên nhân khác như nguồn nguyên liệu không ổn định, tình hình sản xuất khai thác không thuận lợi, cũng làm giảm tăng trưởng xuất khẩu.

b. Tiềm năng phát triển năm 2010

Nguồn cung thủy sản vẫn tiếp tục tăng trưởng qua các năm. Trong khi nhu cầu cả ở Việt Nam và thế giới dự đoán trong năm 2010 sẽ được cải thiện và tăng lên đáng kể do nền kinh tế đã qua khủng hoảng và đang phục hồi. Vì vậy, giá thủy sản dự báo có thể tăng lên trong năm tới, do đây là nguồn thức ăn bổ dưỡng, thay thế cho các nguồn thực phẩm khác đang rộ lên nhiều nguy cơ dịch bệnh.

Ngành thủy sản Việt Nam vẫn trong giai đoạn 2006-2010, đề ra mục tiêu gia tăng sản lượng trung bình là 3,8%/năm. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 10,63% và theo kế hoạch sẽ đạt khoảng 4 tỷ đôla trong năm tới.

Trong thời điểm hiện tại, các điểm thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển của ngành có thể đưa ra như sau:

Thuận lợi:

Thương hiệu: Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) là kênh quảng cáo thương hiệu hiệu quả. Trong đó phải kể đến thương hiệu cá da trơn của Việt Nam là khá mạnh, hiện nay chiếm khoảng 75% thị phần xuất khẩu cá da trơn trên toàn thế giới, và sản phẩm của Việt Nam đã xuất hiện trên khoảng 69 quốc gia trên thế giới.

Chính phủ đã thực hiện các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản như thuế (các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế 15%), vốn vay ưu đãi, chuyển đổi ngoại tệ để gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

Việt Nam có điều kiện thuận lợi về tự nhiên, môi trường, khí hậu cho chăn nuôi thủy hải sản, mang lại năng suất nuôi trồng cao, chất lượng thịt cá thơm ngon, đặc biệt trong ngành cá da trơn đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường.

Ngoài các kênh cung cấp chính như Nhật Bản, Mỹ, EU, Việt Nam đang tập trung mở rộng thị trường xuất khẩu và dần dần mở rộng được thị phần tại các nước mới như Hàn Quốc, Nga... Đa dạng thị trường cũng là cách giúp Việt Nam giảm được rủi ro của các chính sách từ các thị

trường xuất khẩu chính nhằm hạn chế xâm nhập thị trường.

Đối với từng mặt hàng xuất khẩu cụ thể, trong năm 2010, tôm, mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam có thể được áp dụng mức thuế 0% vào thị trường Nhật Bản. Qua đó, sản lượng nhập khẩu vào thị trường chính của mặt hàng này sẽ tăng lên đáng kể trong những năm tới.

Cũng như việc mở rộng thị trường nhập khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang từng bước đa dạng hóa các sản phẩm nhập khẩu. Ngoài các sản phẩm chính như tôm, cá tra, cá basa, các mặt hàng mới như mực, bạch tuộc, ngao gần đây cũng đã có tốc độ tăng trưởng ấn tượng trong thời gian qua.

Các doanh nghiệp xuất khẩu còn được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá giữa Việt Nam đồng và đồng ngoại tệ, như USD, Yên Nhật, Euro. Trong năm 2009, đồng Việt Nam có xu hướng yếu đi so với các đồng ngoại tệ khác. Điều này có lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu khi quy đổi doanh thu sang Việt Nam đồng. Trong khi đó, phần lớn nguyên liệu đầu vào (thủy hải sản nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi) là do nuôi trồng, mua từ các hộ dân ở trong nước, không ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định. Việc phát triển nhanh chóng của ngành trong những năm gần đây đã gây ra việc nuôi trồng hải sản đại trà nhằm đáp ứng kịp tốc độ chế biến và xuất khẩu. Trong khi chi phí đầu tư cho việc nuôi trồng thủy sản hầu hết là nguồn vốn vay ngân hàng, khó khăn về tín dụng có thể gây khó khăn cho việc chăn nuôi ngành thủy sản, các hộ nông dân có thể bán cá chưa đủ trọng lượng hoặc có thể giải thể do áp lực trả vốn vay, dẫn đến việc thiếu hụt nguyên liệu đầu vào.

Quy định EC 1005/2008 có thể coi là rào cản đáng lo ngại nhất cho sản lượng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường có kim ngạch nhập khẩu đứng đầu, EU. Việc các doanh nghiệp Việt Nam còn đang lung túng trong việc thực hiện các bước chuẩn bị về thủ tục, giấy tờ nhằm đáp ứng các yêu cầu từ phía EU có thể báo hiệu cho những khó khăn ban đầu cho các doanh nghiệp nhập khẩu vào thị trường này vào những tháng

Cơ hội

Có thể thấy năm 2010 là một năm đầy tiềm năng cho sự phát triển của ngành thủy hải sản Việt Nam. Gọi là tiềm năng nếu Việt Nam có những chính sách cụ thể trong việc đa dạng hóa sản phẩm cũng như thị trường xuất khẩu, và đặc biệt là có những chính sách đồng bộ, cụ thể để giúp các doanh nghiệp nhập khẩu vượt qua các rào

đầu năm 2010. Hiện tại, nhiều hợp đồng nhập khẩu từ phía EU đang bị hoãn lại do phía EU chưa thấy các động thái rõ rệt từ phía Việt Nam trong việc thực thi quy định mới. Trong khi đó, việc đàm phán lùi lại thời gian thực hiện quy định đến hết tháng 6/2010 là khó thành công. Nguy cơ đứng trước việc mất thị phần vào thị trường chiếm đến 26% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là rất cao nếu phía Việt Nam không thực hiện các chính sách cụ thể nhằm đáp ứng các yêu cầu từ phía EU.

Phía Mỹ tiếp tục áp dụng mức thuế suất chống phá giá từ 36%-68% cho các doanh nghiệp Việt Nam sản phẩm cá tra, cá basa được nhập khẩu vào Mỹ trong 5 năm tới. Như vậy, việc tăng sản lượng nhập khẩu mặt hàng này là vẫn khó khăn, và chỉ các doanh nghiệp được Mỹ đặc cách áp dụng thuế suất thấp mới có thể lấn chân vào thị trường này.

cản của các biện pháp bảo hộ mà phía nhà nhập khẩu đưa ra, đặc biệt là nghị định EC 1005/2008 của EU. Nếu đáp ứng được các chính sách mà nhà nhập khẩu yêu cầu, Việt Nam sẽ khẳng định được chỗ đứng, cũng như là cơ hội lớn để cạnh tranh và mở rộng thị phần ở các thị trường khó tính này.

Tuy nhiên, trong tiềm năng này cũng chứa đựng đầy rủi ro trong trường hợp chính sách ở Việt Nam đưa ra chưa đáp ứng được những yêu cầu từ nhà nhập khẩu các nước. Chúng tôi dự báo, trong quý đầu năm 2010, sản lượng nhập khẩu sẽ giảm, chủ yếu do giảm sản lượng nhập khẩu vào thị trường EU.

Nói về phương hướng xuất khẩu thủy sản năm 2010, Thứ trưởng Lương Lê Phương cho rằng cần tiếp tục đầu tư cho sản xuất nguyên liệu, đưa ra được những chương trình, đề án, dự án đầu tư

sản xuất nguồn nguyên liệu. Tiếp đến là phải tạo được chuỗi liên kết giữa sản xuất – chế biến – xuất khẩu, với 2 mối liên kết dọc và liên kết ngang. Liên kết dọc là liên kết tất cả các khâu của quá trình, từ thức ăn, nuôi trồng, khai thác, xử lý môi trường đến chế biến, thương mại, dịch vụ... và liên kết ngang là liên kết giữa các chủ thể trong cùng một công đoạn. Năm 2010, xuất khẩu thủy sản dự kiến tăng trưởng 10%. Dù các năm trước đều đạt mức tăng trưởng xuất khẩu khoảng 20%, nhưng năm 2010 chỉ dự kiến 10% vì dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn.

6. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

a. Tổng quan:

- Số lượng doanh nghiệp trong ngành: 18
- Tổng vốn hóa thị trường: 11.197 tỷ đồng
- EPS: 1.573 đ
- ROE: 7%
- ROA: 3,1%

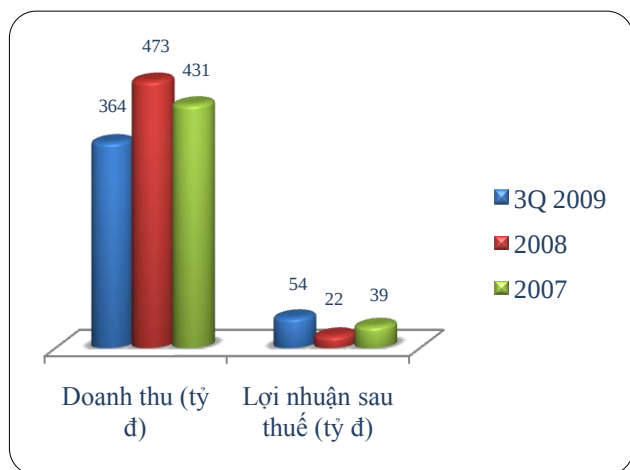
Mã niêm yết	Sản phẩm chính	Thị trường	Cp lưu hành	EPS 3Q 09	ROE 3Q09	ROA 3Q09
AAM	Cá tra	EU, Nga	11,340,000	3,583	13.5%	5.8%
	Thuận lợi: Là 1 trong 10 DN được phép XK sang Nga, tạo lợi thế cạnh tranh khai thác tt tiềm năng Khó khăn: Chưa chủ động nguyên liệu, 90% mua từ bên ngoài					
ABT	Nghêu	EU	8,099,999	6,676	12.3%	10.2%
	Thuận lợi: Nghêu là sản phẩm đặc thù, giúp tạo lợi thế cạnh tranh Khó khăn: 70% kim ngạch XK sang EU, khó khăn với quy định mới từ năm 2010					
ACL	Cá tra, cá basa	Trung Đông	9,000,000	2,799	15.6%	8.2%
	Thuận lợi: Xếp hạng 9 các cty XK cá da trơn hàng đầu VN, lợi thế cạnh tranh tại thị trường Trung Đông Khó khăn: 30% XK vào EU, có thể ảnh hưởng bởi quy định bởi quy định mới của EU					

AGF	Cá tra, cá basa	Nga, Đông Âu	12,859,288	681	1.4%	-2.0%
	Thuận lợi: Nhiều tiềm năng phát triển ở thị trường Nga, Đông Âu; đứng thứ 4 DNXX cá da trơn Khó khăn: 70% nguyên liệu mua bên ngoài, nguy cơ thiếu nguyên liệu do nhiều hộ dân bỏ nuôi cá					
ANV	Cá tra, cá basa	EU	65,605,250	(1,151)	-5.0%	-4.7%
	Thuận lợi: Đứng đầu DN XK thủy sản VN Khó khăn: 40% XK sang EU, khó khăn với quy định mới. Chưa được phép XK sang Nga					
ATA	Cá tra	Mỹ, EU	10,000,000	2,303	17.5%	2.5%
	Thuận lợi: Chu trình nuôi trồng khép kín, chủ động nguồn nguyên liệu, giảm giá thành đầu vào Khó khăn: Nguồn vật liệu nuôi trực tiếp trong tự nhiên, ảnh hưởng của thời tiết					
BAS	Cá tra, cá baasa	Sing, Úc, EU	9,600,000	(550)	-5.8%	-1.8%
	Thuận lợi: Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, dần trải cả thị trường Châu Á, Úc, Châu Âu, Trung Đông Khó khăn: Kinh doanh không hiệu quả, EPS 3 quý là âm, quy mô hoạt động nhỏ so với DN cùng ngành					
CAD	Tôm, mực, cá tra	Mỹ, EU	8,000,000	864	3.8%	3.9%
	Thuận lợi: Ở vùng nuôi tôm Cà Mau, nguyên liệu phong phú; Mỹ áp thuế chống phá giá 0% cho tôm Khó khăn: Chứng minh nguồn gốc khai thác khi vào thị trường EU					
FBT	Cá tra, tôm sú	Nhật, EU	11,265,000	(6,628)	-30.2%	-11.9%
	Thuận lợi: Chủ động 50-60% nguyên liệu, ưu đãi thuế với sản phẩm tôm từ Nhật Khó khăn: Chi phí giá vốn và CP bán hàng cao, khiến lợi nhuận cty thấp. Hết Q3/09, LN bị âm					
FMC	Tôm	Nhật, Mỹ	7,200,000	567	2.9%	-0.1%
	Thuận lợi: Ưu đãi thuế từ Nhật; Thuế chống phá giá gần 0% tại Mỹ; thứ 10 DN XK thủy sản VN (2008) Khó khăn: Kiểm tra chất lượng sản phẩm chưa chặt chẽ, khiến giảm thị phần tại Nhật					
Mã niêm yết	Sản phẩm chính	Thị trường	Cp lưu hành	EPS 3Q 09	ROE 3Q09	ROA 3Q09
HVG	Cá tra, cá basa	Đông Âu, Nga	59,999,993	2,860	N/I	N/I
	Thuận lợi: Là DN XK cá da trơn đứng đầu VN (9%). Được phép XK vào Nga, tạo lợi thế cạnh tranh Khó khăn: Cạnh tranh mạnh từ VHC đối với thị trường Đông Âu và Nga					
ICF	EU	Tôm, cá tra	12,807,000	1,498	10.9%	6.5%
	Thuận lợi: Thành lập mạng lưới công ty tại thị trường Mỹ, Nhật, EU, thuận lợi cho khai thác thị trường Khó khăn: 70% sản phẩm nhập vào EU. Có thể gặp khó khăn ban đầu với quy định mới của EU					
MPC	Tôm	Mỹ, Nhật	70,000,000	2,092	13.8%	5.8%
	Thuận lợi: Thuế chống phá giá gần 0% tại Mỹ; Ưu đãi thuế tại Nhật; Thứ 3 DN XK thủy sản VN (2008) Khó khăn: Cạnh tranh từ Thái Lan, Indonexia tại thị trường Nhật					
TS4	Cá, mực đông	Nhật, Mỹ	8,469,828	3,003	14.6%	8.6%

	Thuận lợi: Nhà máy chế biến cá đã hoàn thành. Hiệu suất lợi nhuận khá cao. EPS 3 quý đạt 3.000 đ Khó khăn: Cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu chính					
VHC	Cá tra, cá basa	EU, Mỹ	30,000,000	4,884	27.8%	14.2%
	Thuận lợi: Số 1 sản lượng XK cá da trơn. Được phép XK vào Nga. 0% thuế chống phá giá vào Mỹ Khó khăn: Quy định mới truy xuất nguồn gốc gây khó khăn ban đầu về thủ tục, giấy tờ xuất khẩu					
BLF	Tôm	Mỹ, Hàn Quốc	5,000,000	182	1.3%	0.8%
	Thuận lợi: Thuế chống phá giá 0% cho mặt hàng tôm từ Mỹ Khó khăn: Chưa chủ động nguyên liệu, do thu mua từ dân					
NGC	Mực, bạch tuộc	Nhật	1,200,000	2,608	20.0%	7.5%
	Thuận lợi: Ưu đãi thuế cho các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam vào Nhật Khó khăn: Quy mô còn nhỏ so với DN cùng ngành. Sức ép cạnh tranh cao					
SJ1	Tôm, cua ghẹ, cá	Nhật, EU	3,355,730	2,051	8.8%	4.1%
	Thuận lợi: Ưu đãi thuế với sản phẩm tôm của Nhật Khó khăn: Nguyên liệu khai thác tự nhiên, rủi ro đầu vào, cùng khó khăn truy xuất nguồn gốc của EU					

b. Đánh giá một số doanh nghiệp tiêu biểu

i. Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre (ABT)



Được thành lập ngày 1/12/2003, là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu nghêu, cá tra hàng đầu của Việt Nam. Sản phẩm chính là nghêu, cá tra và tôm đông lạnh. Ngày 24/12/2006, chính thức niêm yết trên HCM.

Năm 2008, công ty đã xuất khẩu đến 26 nước và lãnh thổ, trong đó EU tiếp tục là thị trường

chiếm thị phần cao nhất, chiếm 70,53% giá trị xuất khẩu. Thị trường Mỹ chiếm 9,02%; và Nhật chiếm 7% (so với năm 2007 là 4%). Xuất khẩu đạt sản lượng 8.486 tấn, với 2 nhóm sản phẩm chủ lực là nghêu (chiếm 24% về giá trị) và cá tra chiếm 72%.

ABT là nhà xuất khẩu nghêu hàng đầu của Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh rất lớn do đây là sản phẩm đặc thù, các doanh nghiệp niêm yết cùng ngành không tập trung phát triển. Ngoài ra, công ty hiện đứng thứ 15 trong các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra – cá basa và đứng thứ 36 trong danh sách 100 các doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam.

Nguồn nguyên liệu: Công ty có thuận lợi là nằm ngay vùng nguyên liệu Bến Tre, một trong những vùng có sản lượng thủy sản lớn nhất cả nước. Năm 2008, công ty đã nâng quy mô diện tích vùng nuôi lên 60ha để ổn định nguồn nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh.

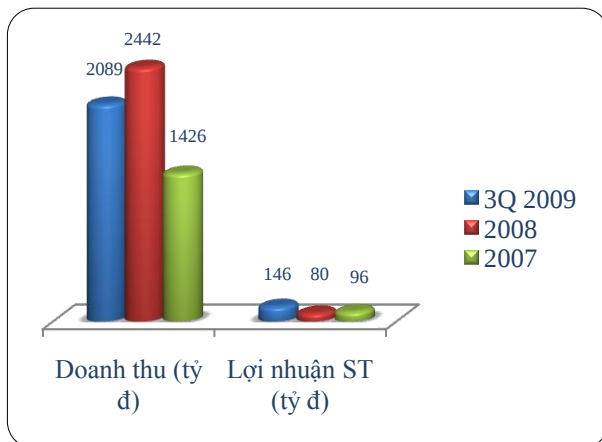
Doanh thu các năm tăng trưởng đều đặn khoảng 10%. Kế hoạch năm 2009, công ty sẽ đạt 400 tỷ đồng về doanh thu. Đến hết Q3/2009, công ty đã đạt 364 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch đề ra. Riêng lợi nhuận sau thuế, đến hết Q3/09, công ty đạt lợi nhuận ấn tượng 54 tỷ đồng. Riêng trong quý 3, lợi nhuận tăng hơn 92% so với Q2. Nguyên nhân là nhờ hoạt động kinh doanh tài chính. Trong

quý 2, công ty trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Tuy nhiên, trong Q3, các mã cổ phiếu công ty đầu tư đều tăng giá, vì vậy, công ty đã hoàn nhập lại khoản trên. EPS 3Q của công ty đạt mức ấn tượng 6.676 đ, cao nhất trong 18 doanh nghiệp niêm yết. Công ty dự kiến sẽ chia mức cổ tức rất cao là 4.000 đ trong năm 2009.

P/E dự phóng 2009 hiện đang ở mức là 6,12. Như vậy có thể thấy giá cổ phiếu ABT đang ở mức hấp dẫn.

Trong năm 2010, công ty cũng gặp những khó khăn ban đầu khi xuất khẩu sang thị trường EU, trong khi thị trường này lại đang chiếm tới 70% thị phần xuất khẩu của ABT.

ii. Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC)



Công ty được thành lập vào ngày 29/12/1997 tại tỉnh Đồng Tháp, dưới hình thức công ty tư nhân. Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần vào ngày 17/04/2007, và chính thức niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 24/12/2007.

Công ty Vĩnh Hoàn đứng trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa hàng đầu ở Việt Nam, về cả sản lượng và giá trị.

Trong 9 tháng đầu năm 2009, công ty đã xuất khẩu 29.934 tấn cá tra, cá basa đạt giá trị tương đương 85,2 triệu USD, là doanh nghiệp xuất khẩu lớn thứ 2 về giá trị và thứ 3 về khối lượng; hiện đóng góp khoảng 8,7% tổng kim ngạch xuất khẩu cá da trơn của Việt Nam.

Công ty đứng thứ 4 trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.

Thị trường chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất của Vĩnh Hoàn hiện nay là Mỹ (35%) và EU (45%). Đối với thị trường Mỹ, công ty đang được áp dụng mức thuế chống phá giá là 0%. Hiện tổng sản lượng xuất khẩu cá da trơn của công ty chiếm khoảng 31% tổng kim ngạch xuất khẩu cá da trơn của Việt Nam vào thị trường này. Đối với thị trường Châu Âu, công ty đang dần mở rộng thị phần xuất khẩu, đặc biệt đối với thị trường Anh, công ty hiện chiếm 33% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Công ty cũng là một trong số ít doanh nghiệp được xuất khẩu vào thị trường Nga (chiếm 3% cơ cấu doanh thu). Mặc dù sản lượng xuất khẩu còn thấp, đây được coi là thị trường tiềm năng, giúp VHC đa dạng hóa thị trường cũng như tăng doanh thu, lợi nhuận.

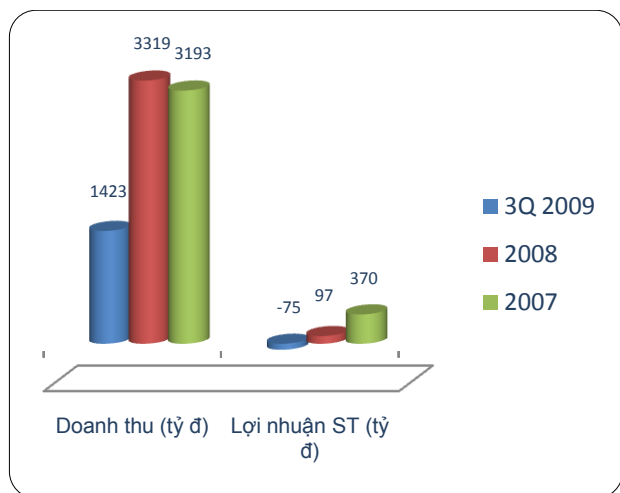
VHC có lợi thế cạnh tranh cao với hệ thống sản xuất khép kín, từ khâu sản xuất, cung cấp thức ăn cho cá, đến nuôi trồng và chế biến cá. Do đó công ty đảm bảo được nguồn nguyên liệu, cũng như đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu khắt khe về kỹ thuật, dinh dưỡng, chất lượng sản phẩm đặc biệt với các thị trường khó tính như EU, Mỹ. Ngoài ra, VHC là công ty duy nhất ở Việt Nam có vùng nuôi đạt chuẩn

AquaGap, được cấp bởi tổ chức IMO, Thủy Sĩ. Đây là lợi thế cạnh tranh rất lớn của công ty, đặc biệt khi thâm nhập vào thị trường quốc tế.

Có thể thấy doanh thu của công ty tăng mạnh trong các năm qua. Tính riêng từ năm 2007 đến 2008, doanh thu tăng 71%. Hết 3 quý đầu năm 2009, doanh thu bằng 86% năm 2008 và bằng 94% kế hoạch năm. Riêng lợi nhuận sau thuế riêng 3 quý đầu năm 2009, công ty đã đạt 146 tỷ, bằng 133% kế hoạch năm. Qua đó có thể thấy doanh thu của VHC là rất ổn định, tăng trưởng đều, qua đó có thể thấy chính sách mở rộng sang thị trường Châu Âu đã phát huy hiệu quả. EPS 3 quý đầu năm 2009 của công ty cũng đạt mức cao, là 4.884 đ. Chỉ số P/E trong ngày hôm nay (3/01/2010) là 8,29.

Hiện nay, sự phục hồi kinh tế của các nước, có thể thấy nhu cầu tiêu thụ cá da trơn từ các nước sẽ tăng lên. Với mức thuế chống phá giá là 0%, VHC dự đoán vẫn duy trì doanh thu ổn định trong năm 2010. Tuy nhiên, đối với quy định mới của EU về truy xuất nguồn gốc, do công ty có hệ thống sản xuất khép kín, chính sách mới của EU sẽ không phải là rào cản mà là lợi thế để công ty cạnh tranh và mở rộng thị phần tại thị trường này.

iii. Công ty cổ phần NAVICO (ANV)



ANV được thành lập từ năm 1993, với vốn điều lệ ban đầu là 27 tỷ đồng. Tháng 10/2006, công ty chuyển sang hình thức công ty cổ phần. Công ty chính thức niêm yết trên sàn HOSE từ ngày 07/12/2007. Hiện tại vốn điều lệ của công ty là 660 tỷ đồng.

Sản phẩm chính của ANV là cá tra, cá basa. Theo số liệu năm 2008, ANV đứng đầu trong 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa của Việt Nam, cũng là doanh nghiệp có khối lượng cũng như giá trị xuất khẩu thủy sản đứng đầu.

Thị trường xuất khẩu chính của ANV là Châu Âu, chiếm khoảng 40% cơ cấu doanh thu. Tiếp đó là Uzbekistan và Ucraina (khoảng 35%). Nga từng là một trong những thị trường nhập khẩu thủy sản chủ lực của ANV, tuy nhiên từ tháng 8/2008, Chính phủ Nga đã ban hành lệnh cấm nhập khẩu cá da trơn của Việt Nam, điều này đã gây không ít khó khăn cho công ty.

Tổng công suất chế biến của Nhà máy của ANV là 1.200 tấn cá nguyên liệu/ngày. Tuy nhiên hiện tại các nhà máy chỉ hoạt động khoảng 30-40% công suất. Các dự án đề xuất thực hiện trong năm 2009 như nhà máy chế biến thức ăn cá, nhà máy sản xuất giá trị gia tăng, nhà máy chế biến dầu cá đều ngưng lại hoặc tạm hoãn. Chỉ có dự án vùng nuôi cá nguyên liệu 80ha vẫn đang được triển khai. Theo đó, khi dự án hoàn thành, công ty có thể tiết kiệm từ 40-100 tỷ chi phí nguyên liệu hàng năm.

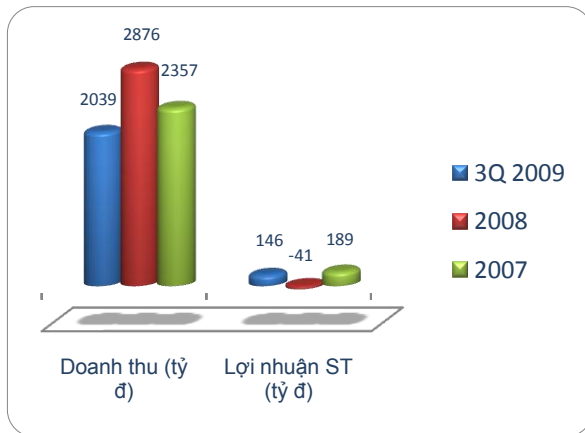
Có thể thấy tình hình doanh thu của công ty trong năm 2009 không được khả quan, khi doanh thu đến hết thời điểm quý 3 năm 2009 chỉ đạt 47% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân doanh thu thấp hơn dự kiến là do công ty hiện tại chỉ hoạt động khoảng 30-40% công suất. Trong khi đó, giá vốn quá cao, bằng đến 97% doanh thu, khiến lợi nhuận sau thuế của công ty là âm 75 tỷ.

Theo kế hoạch, công ty dự tính sẽ đạt mức lợi nhuận ST là 91 tỷ. Với kết quả kinh doanh của công ty trong 3 quý đầu, chúng tôi dự đoán công ty sẽ không đạt được kế hoạch đề ra trong năm nay. Lợi nhuận lũy kế năm 2009 của công ty hiện đang âm, EPS 3 quý đầu năm của ANV là -1.151 đ, thấp nhất trong 18 doanh nghiệp niêm yết cùng ngành, chỉ cao hơn FBT – công ty CP XNK lâm thủy sản Bến Tre.

Các chỉ số ROE, ROA của công ty đều âm, thể hiện sự kinh doanh không hiệu quả của công ty có tổng sản lượng thủy sản xuất khẩu lớn nhất Việt Nam trong năm 2008. Trong khi thị trường Nga vẫn chưa chấp nhận cho ANV xuất khẩu vào thị trường này, thì rào cản quy định mới từ

phía EU về nguồn gốc sản phẩm có thể gây những khó khăn nhất định cho ANV trong những tháng đầu năm 2010. Dự báo, tình hình kinh doanh của công ty thủy sản hàng đầu Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn trong năm 2010.

iv. Công ty cổ phần Minh Phú (MPC)



MPC tiền thân là doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú, được thành lập vào ngày 14/12/1992, với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng. Ngày 12/05/2006, công ty chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, với vốn điều lệ ban đầu là 600 tỷ đồng. Cổ phiếu công ty chính thức niêm yết trên sàn HNX từ ngày 27/12/2006. Hiện công ty đã được chuyển sang niêm yết tại sàn HOSE với vốn điều lệ là 700 tỷ.

MPC đứng thứ ba trong top 10 doanh nghiệp Việt Nam có sản lượng xuất khẩu cao nhất. Đối với nguồn nguyên liệu, hiện tại MPC chủ động được khoảng 10% nguyên liệu. Ngoài ra, Công ty luôn có sự liên kết chặt chẽ với người

Trong năm 2008, tổng giá trị xuất khẩu của MPC đạt hơn 160 triệu USD.

Sản phẩm xuất khẩu chính của MPC là tôm. MPC luôn là doanh nghiệp dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu tôm trong thời gian qua.

Thị trường xuất khẩu chính của MPC là Mỹ, Nhật Bản. Doanh số từ thị trường Mỹ luôn chiếm 50% kim ngạch xuất khẩu của công ty. Đây là những thị trường đầy tiềm năng để MPC mở rộng và phát triển. Đặc biệt trong năm 2010, phía Nhật Bản có thể xem xét mức thuế 0% cho các sản phẩm tôm nhập từ Việt Nam. Điều này sẽ tạo điều kiện cho MPC mở rộng thị trường tại Nhật, tăng doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

Công ty hiện tại có 3 nhà máy chế biến tôm với tổng công suất là 19.500 tấn/năm. Quy trình sản xuất đã đạt được những tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường khó tính. Quy trình sản xuất khép kín, từ con giống, nuôi, chế biến, đến thành phẩm.

nuôi thông qua hình thức hỗ trợ giống, thức ăn. Điều này giúp công ty luôn đạt được nguồn

nguyên liệu ổn định, và kiểm soát tốt giá đầu vào.

Công ty hiện có kế hoạch tăng vốn từ 700 tỷ lên 1.000 tỷ đồng. Công ty cũng có kế hoạch tăng diện tích thả nuôi tôm mặt nước, tăng năng suất, và hiệu quả nuôi trồng. Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng như: Tôm ring, tôm Nobashi, tôm Sushi... nhằm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu vào các thị trường Nhật Bản, Mỹ.

Trong khi đó, tại thị trường các nước, DOC (Mỹ) công bố sẽ áp dụng mức thuế chống phá giá cho mặt hàng tôm của MPC là gần 0%. Từ ngày

1/10/2009, mặt hàng thủy sản của Việt Nam cũng được hưởng ưu đãi về thuế. Đây là những điều kiện rất thuận lợi để công ty mở rộng thị phần tại các thị trường này trong năm 2010.

Tình hình doanh thu, lợi nhuận của công ty tăng trưởng khá tốt trong những năm qua. Tốc độ tăng trưởng năm 2007-2008 là 22%. 3 quý đầu năm 2009, MPC đã đạt 81% kế hoạch doanh thu và đạt 71% kế hoạch lợi nhuận đề ra. EPS 3 quý đầu năm 2009 là 1.429 đ. P/E của cổ phiếu MPC là khoảng 13. Dự báo, đến hết năm 2009, công ty sẽ đạt kết quả doanh thu như kế hoạch đề ra.

7. TỔNG KẾT

Năm 2009 có thể đánh giá là một năm đầy khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh nói chung, do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính. Tuy nhiên, thông qua đánh giá một số doanh nghiệp thủy sản điển hình, có thể thấy các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đã đạt được kết quả kinh doanh tốt, hoàn thành thậm chí vượt kế hoạch đề ra. Đó có thể do những yếu tố như sự hỗ trợ từ Nhà nước về chính sách vay vốn, lãi suất, thuế thu nhập. Ngoài ra, còn do các doanh nghiệp Việt Nam đã có những chính sách hợp lý, chủ động mở rộng thị trường cũng như sản phẩm xuất khẩu, không chỉ phụ thuộc vào những thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản như trước. Trong năm 2010, chúng tôi dự báo các doanh nghiệp năm 2010 sẽ đạt được kết quả kinh doanh khả quan hơn. Do các nước nhập khẩu chính của

thị trường Việt Nam đang trong quá trình phục hồi kinh tế, nhu cầu cho các mặt hàng thủy hải sản có thể tăng cao. Ngoài ra, đối với một số mặt hàng như tôm, các nước nhập khẩu đã nói lòng và có những chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu vào thị trường. Tuy nhiên, khó khăn là vẫn có, đặc biệt là từ những quy định mới từ phía EU và sự cạnh tranh từ các nước, mà trước nhất là từ các nước trong khu vực như Thái Lan, Indonesia. Dự báo, trong quý 1 năm 2010, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản sẽ gặp một số khó khăn. Tuy nhiên, đến quý 2 và quý 3, doanh thu của các doanh nghiệp thường cao hơn các quý khác, giúp tình hình kinh doanh sang sửa hơn. Đây cũng là thời điểm tốt để xem xét đầu tư vào các mã cổ phiếu ngành thủy sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Trụ sở chính

101 Láng Hạ - Đống Đa –
Hà Nội
Văn phòng: Tầng 4,
Tòa nhà Hà Thành,
102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà
Nội
Tel: (84-4) 3562 4626
Fax: (84-4) 3562 4628
Website: www.abs.vn

Chi Nhánh TP Hồ Chí Minh

118 Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP HCM
Tel: (84-4) 3838 9655
Fax: (84-4) 3838 9656

Chi nhánh Hải Phòng

7 Trần Hưng Đạo, Hồng
Bàng,
Hải Phòng
Tel: (84-31) 3569 190
Fax: (84-31) 3569 191

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO

Tạ Thanh Bình

P. Giám đốc Trung tâm

Email: binh.tathanh@abs.vn

Research team: Ngô Thế Hiển

Vũ Huệ Chi

Trần Thị Thu Hương

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG: Báo cáo này được thực hiện vào tháng 01-2010, bởi Phòng Phân tích- Công ty cổ phần chứng khoán An Bình. Các ý kiến và nhận định của ABS đ đưa ra tại báo cáo này dựa trên hiểu biết và thông tin ABS có được và chỉ mang tính chất khuyến nghị. ABS không chịu trách nhiệm về quyết định và kết quả đầu tư của những người nhận được bản báo cáo này và không có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ khoản thua lỗ của khách hàng do thực hiện hoạt động đầu tư.